



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 29 tháng 6 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Phong	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Tư	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Thuần	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên
Ông Hồ Nam Phong	Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương  
Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Phong  
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

11/01/2024  
11/01/2024





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-04-00045-24-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3846-2022-007-1

CÔNG TY TNHH KPMG

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>759.549.218.009</b>	<b>868.322.105.320</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>118.857.813.670</b>	<b>90.010.006.657</b>
Tiền	111		41.939.813.670	22.510.006.657
Các khoản tương đương tiền	112		76.918.000.000	67.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>58.000.000.000</b>	<b>103.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	58.000.000.000	103.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>230.155.972.652</b>	<b>373.574.560.588</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	219.886.703.344	357.759.212.560
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.581.010.855	19.152.823.988
Phải thu ngắn hạn khác	136		3.154.198.380	2.959.308.100
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(6.465.939.927)	(6.296.784.060)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>331.854.944.845</b>	<b>288.913.027.179</b>
Hàng tồn kho	141		333.335.389.510	293.972.626.123
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.480.444.665)	(5.059.598.944)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.680.486.842</b>	<b>12.824.510.896</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.706.682.298	3.170.104.377
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.973.804.544	9.170.589.005
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	483.817.514

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>331.781.472.071</b>	<b>337.818.532.796</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>921.021.869</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	216		921.021.869	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>280.611.269.486</b>	<b>307.618.429.616</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	279.931.116.798	306.705.227.148
<i>Nguyên giá</i>	222		1.081.651.263.591	1.084.968.298.891
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(801.720.146.793)	(778.263.071.743)
Tài sản cố định vô hình	227	15	680.152.688	913.202.468
<i>Nguyên giá</i>	228		3.500.399.579	3.500.399.579
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.820.246.891)	(2.587.197.111)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27.579.068.942</b>	<b>509.565.865</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	27.579.068.942	509.565.865
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10(b)</b>	<b>9.976.790.634</b>	<b>9.976.790.634</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.744.494.682	10.744.494.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(767.704.048)	(767.704.048)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.693.321.140</b>	<b>19.713.746.681</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	12.352.298.454	18.413.151.459
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	341.022.686	1.300.595.222
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.091.330.690.080</b>	<b>1.206.140.638.116</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>695.214.252.443</b>	<b>831.167.129.373</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>598.694.636.928</b>	<b>722.181.512.678</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	109.969.090.421	91.519.247.739
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.534.613.391	2.825.534.347
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	9.064.417.177	13.369.892.319
Phải trả người lao động	314		98.965.591.598	102.848.448.325
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.623.443.550	3.591.425.205
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	24.157.037.047	63.871.471.203
Vay ngắn hạn	320	22(a)	308.058.490.304	410.995.267.045
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	40.321.953.440	33.160.226.495
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>96.519.615.515</b>	<b>108.985.616.695</b>
Vay dài hạn	338	22(b)	96.519.615.515	108.985.616.695
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>396.116.437.637</b>	<b>374.973.508.743</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>396.116.437.637</b>	<b>374.973.508.743</b>
Vốn cổ phần	411	25	200.962.590.000	200.962.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.962.590.000	200.962.590.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	127.478.956.722	107.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.674.890.915	66.531.962.021
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		35.777.869.876	31.321.644.473
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		31.897.021.039	35.210.317.548
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.091.330.690.080</b>	<b>1.206.140.638.116</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:

  
 Thân Thị Kim Phụng  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Nguyễn Khánh Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Phong  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	940.807.615.902	922.906.838.519
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	824.517.993.446	796.782.706.211
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>116.289.622.456</b>	<b>126.124.132.308</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	26.324.822.150	18.216.608.497
Chi phí tài chính	22	32	17.324.135.395	17.574.296.433
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.693.811.706	11.023.305.559
Chi phí bán hàng	25	33	30.294.265.560	29.103.330.570
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	30.749.180.921	32.196.762.937
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>64.246.862.730</b>	<b>65.466.350.865</b>
Thu nhập khác	31	35	2.789.361.598	3.752.567.402
Chi phí khác	32		2.179.496.133	2.583.075.006
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>609.865.465</b>	<b>1.169.492.396</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>64.856.728.195</b>	<b>66.635.843.261</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	11.903.875.620	10.023.502.300
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	959.572.536	3.133.772.768
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>51.993.280.039</b>	<b>53.478.568.193</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.338	2.394

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phong  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>64.856.728.195</b>	<b>66.635.843.261</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		32.414.014.847	31.815.796.875
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(3.409.998.412)	(24.427.537.336)
Lãi từ hoạt động đầu tư	04		(773.232.018)	1.894.634.287
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(3.775.665.523)	(7.207.445.302)
Chi phí lãi vay	06		(410.218.182)	-
			8.693.811.706	11.023.305.559
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>97.595.440.613</b>	<b>79.734.597.344</b>
Biến động các khoản phải thu	09		144.030.381.167	66.360.033.303
Biến động hàng tồn kho	10		(39.362.763.387)	171.943.043.198
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		16.532.563.725	(20.953.924.204)
Biến động chi phí trả trước	12		6.524.275.084	334.038.848
			<b>225.319.897.202</b>	<b>297.417.788.489</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.463.978.787)	(11.064.181.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.767.278.986)	(10.894.383.301)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.380.000	12.220.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.593.745.200)	(6.837.611.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>196.496.274.229</b>	<b>268.633.832.480</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*


**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(41.424.866.089)	(58.170.300.872)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định			410.218.182	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(31.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		45.000.000.000	5.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(4.033.660.000)
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		4.096.370.836	5.824.096.998
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.081.722.929</b>	<b>(82.379.863.874)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		610.879.528.732	430.247.314.696
Tiền trả nợ gốc vay	34		(726.390.432.036)	(537.082.641.940)
Tiền trả cổ tức	36		(60.222.425.485)	(60.912.973.408)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(175.733.328.789)</b>	<b>(167.748.300.652)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>28.844.668.369</b>	<b>18.505.667.954</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>90.010.006.657</b>	<b>100.028.543.344</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>3.138.644</b>	<b>133.219.746</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>118.857.813.670</b>	<b>118.667.431.044</b>


Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:

  
 Thân Thị Kim Phụng  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Nguyễn Khánh Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Phong  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 4.148 nhân viên (1/1/2024: 4.431 nhân viên).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý**

Công ty gồm bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu của bộ phận	729.703.659.429	759.578.569.721	62.100.225.231	60.738.970.372	98.729.675.369	97.385.821.480	50.274.055.873	5.203.476.946	940.807.615.902	922.906.838.519
Kết quả kinh doanh của bộ phận	98.585.766.216	124.752.717.070	4.774.779.325	(4.301.908.389)	3.941.672.154	5.592.218.083	8.987.404.761	81.105.544	116.289.622.456	126.124.132.308
Thu nhập không phân bổ									26.324.822.150	18.216.608.497
Chi phí không phân bổ									(78.367.581.876)	(78.874.389.940)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									64.246.862.730	65.466.350.865
Thu nhập khác									2.789.361.598	3.752.567.402
Chi phí khác									(2.179.496.133)	(2.583.075.006)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(12.863.448.156)	(13.157.275.068)
Lợi nhuận thuần sau thuế									51.993.280.039	53.478.568.193

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản của bộ phận	174.689.003.885	304.253.864.059	23.144.893.955	26.237.914.512	8.725.230.960	16.819.103.207	13.327.574.544	10.448.330.782	219.886.703.344	357.759.212.560
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ									871.443.986.736	848.381.425.556
<b>Tổng tài sản</b>									<b>1.091.330.690.080</b>	<b>1.206.140.638.116</b>
Các khoản nợ không phân bổ									695.214.252.443	831.167.129.373
<b>Tổng nợ phải trả</b>									<b>695.214.252.443</b>	<b>831.167.129.373</b>
Chi tiêu vốn									32.048.463.332	58.170.300.872
Khiếu hao tài sản cố định hữu hình									32.180.965.067	31.764.582.826
Khiếu hao tài sản cố định vô hình									233.049.780	51.214.049
									<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023</b>
										<b>VND</b>



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	143.053.313	195.229.075
Tiền gửi ngân hàng	41.796.760.357	22.314.777.582
Các khoản tương đương tiền	76.918.000.000	67.500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	118.857.813.670	90.010.006.657

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 1,8% đến 3,2% (1/1/2024: từ 2,1% đến 3,2%).

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 2,9% đến 4,9% (1/1/2024: từ 3,4% đến 5,2%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các tài sản tài chính này.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị	Địa chỉ	30/6/2024				1/1/2024					
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	5,64	5,64	7.495.524.000	-	(*)	5,64	5,64	7.495.524.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	6,45	6,45	1.500.000.000	-	(*)	6,45	6,45	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex)	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	(383.475.461)	(*)	2,65	2,65	1.008.000.000	(383.475.461)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	0,44	0,44	90.970.682	-	(*)	0,44	0,44	90.970.682	-	(*)
				<b>10.744.494.682</b>	<b>(767.704.048)</b>				<b>10.744.494.682</b>	<b>(767.704.048)</b>	

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số cổ phiếu nhận bằng cổ tức mà Công ty không ghi nhận doanh thu tài chính và chỉ theo dõi số lượng bao gồm:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	235.903	235.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	624.144	333.840
Công ty của Cổ phần Sợi Phú Việt	16.410	16.410
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	13.428	13.428
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	32.235	32.235

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## **11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

### **(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Aurora Investments Global	79.393.182.093	257.955.237.945
Kam Hing Textile Macao Commercial Offshore Co., Ltd	31.114.163.723	12.043.079.350
Fujian Fynex Textile Science & Technology Co., Ltd	24.656.698.386	4.831.356.298
Sumtex Industrial Limited	21.229.498.349	6.568.105.107
Công ty TNHH Fashion Garments 2	2.671.274.450	578.131.746
Xiamen Fengzhu Trading Co.,Ltd	-	16.129.260.302
Các khách hàng khác	60.821.886.343	59.654.041.812
	<b>219.886.703.344</b>	<b>357.759.212.560</b>



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	16.907.871	19.289.544
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	19.007.189	14.320.114
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	2.849.426	5.026.026
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	21.993.930	62.714.960
	<hr/>	<hr/>
	60.758.416	101.350.644

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Nợ quá hạn**

	30/6/2024			1/1/2024				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.542.137.943	(2.542.137.943)	-	Trên 3 năm	2.424.055.822	(2.424.055.822)	-
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	707.008.241	(707.008.241)	-	Trên 3 năm	674.167.760	(674.167.760)	-
Tajjih Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	392.535.915	(392.535.915)	-	Trên 3 năm	374.302.650	(374.302.650)	-
		<u>6.465.939.927</u>	<u>(6.465.939.927)</u>	<u>-</u>		<u>6.296.784.060</u>	<u>(6.296.784.060)</u>	<u>-</u>

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

(6.465.939.927)

(6.296.784.060)

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	91.825.918.063	-	59.817.064.031	-
Nguyên vật liệu	126.501.696.979	(964.625.798)	97.783.554.793	(586.955.067)
Công cụ và dụng cụ	57.376.768	-	53.315.367	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	77.276.524.753	-	92.214.725.204	(2.439.398.759)
Thành phẩm	26.327.716.357	(515.818.867)	33.882.365.770	(2.033.245.118)
Hàng gửi đi bán	11.346.156.590	-	10.221.600.958	-
	<b>333.335.389.510</b>	<b>(1.480.444.665)</b>	<b>293.972.626.123</b>	<b>(5.059.598.944)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 160.000 triệu VND (1/1/2024: 140.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).



**Công ty Cổ phần Dệt May Huệ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	301.981.869.375	736.946.189.900	25.676.179.678	10.895.830.828	9.468.229.110	1.084.968.298.891
Tăng trong kỳ	-	40.233.600	-	65.350.000	120.000.000	225.583.600
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	608.390.156	4.572.880.961	-	-	-	5.181.271.117
Thanh lý	-	(6.944.334.608)	(1.205.075.409)	(574.480.000)	-	(8.723.890.017)
Số dư cuối kỳ	302.590.259.531	734.614.969.853	24.471.104.269	10.386.700.828	9.588.229.110	1.081.651.263.591
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	185.458.027.744	561.679.305.860	18.727.068.317	9.620.974.478	2.777.695.344	778.263.071.743
Khấu hao trong kỳ	8.879.579.534	21.401.393.054	741.217.258	279.195.293	879.579.928	32.180.965.067
Thanh lý	-	(6.944.334.608)	(1.205.075.409)	(574.480.000)	-	(8.723.890.017)
Số dư cuối kỳ	194.337.607.278	576.136.364.306	18.263.210.166	9.325.689.771	3.657.275.272	801.720.146.793
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	116.523.841.631	175.266.884.040	6.949.111.361	1.274.856.350	6.690.533.766	306.705.227.148
Số dư cuối kỳ	108.252.652.253	158.478.605.547	6.207.894.103	1.061.011.057	5.930.953.838	279.931.116.798

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 546.844 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 526.733 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 132.685 triệu VND (1/1/2024: 147.496 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.500.399.579
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	2.587.197.111
Khấu hao trong kỳ	233.049.780
Số dư cuối kỳ	2.820.246.891
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	913.202.468
Số dư cuối kỳ	680.152.688

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 2.381 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 2.381 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	509.565.865	37.575.168.913
Tăng trong kỳ	32.250.774.194	28.363.406.231
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.181.271.117)	(50.050.164.911)
Số dư cuối kỳ	27.579.068.942	15.888.410.233

Tại thời điểm báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình lắp đặt.

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ
	VND
Số dư đầu kỳ	18.413.151.459
Tăng trong kỳ	1.003.835.400
Phân bổ trong kỳ	(7.064.688.405)
Số dư cuối kỳ	12.352.298.454

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	30/6/2024	1/1/2024
		VND	VND
Doanh thu bán hàng	20%	341.022.686	695.324.457
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	-	605.270.765
		341.022.686	1.300.595.222



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Aurora Investments Global Inc	18.360.984.761	2.741.687.613
Rosy Blossom Limited	11.238.469.806	1.716.936.501
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	8.821.112.878	10.484.534.915
Cam Négoce, Division Coton	7.105.835.999	8.151.917.612
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	3.158.181.259	10.037.591.184
Stonex Switzerland Sa	-	13.971.237.312
Các nhà cung cấp khác	61.284.505.718	44.415.342.602
	<hr/>	<hr/>
	109.969.090.421	91.519.247.739

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, công ty không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn chưa thanh toán.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	602.632.269	20.103.762.954	(20.363.987.931)	342.407.292
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.153.411.607	(1.153.411.607)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.613.241.168	11.903.875.620	(16.767.278.986)	7.749.837.802
Thuế thu nhập cá nhân	141.976.339	3.174.299.844	(3.158.396.961)	157.879.222
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.864.664.358	(1.287.530.546)	577.133.812
Các loại thuế và phí khác	12.042.543	429.232.131	(204.115.625)	237.159.049
	13.369.892.319	38.629.246.514	(42.934.721.656)	9.064.417.177

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Kinh phí công đoàn	1.130.578.429	1.464.595.389
Lãi vay	1.233.445.028	1.003.612.109
Cổ tức phải trả	20.254.991.422	60.381.157.907
Các khoản phải trả khác	1.538.022.168	1.022.105.798
	24.157.037.047	63.871.471.203

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong kỳ		30/6/2024		
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	379.617.152.495	610.879.528.732	(714.135.186.633)	111.358.067	276.472.852.661
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	31.378.114.550	14.600.000.000	(14.392.431.222)	(45.685)	31.585.637.643
		410.995.267.045	625.479.528.732	(729.749.529.899)	111.312.382	308.058.490.304

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,7% - 3,8%	33.233.983.728	28.155.524.959
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,2% - 4,6%	67.907.232.202	79.356.260.326
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,2% - 4,3%	-	77.926.160.902
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2,8% - 3,7%	77.504.887.542	61.260.716.649
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,8% - 2,9%	27.310.847.285	91.844.338.133
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3% - 3,55%	70.515.901.904	41.074.151.526
			276.472.852.661	379.617.152.495



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>(b) Vay dài hạn</b>		<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn		128.105.253.158	140.363.731.245
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))		(31.585.637.643)	(31.378.114.550)
		<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		96.519.615.515	108.985.616.695
		<hr/>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,2% - 9,7%	2026	10.959.079.870	13.959.079.870
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	VND	4,5% - 5,8%	2025	34.800.000.000	46.400.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)	USD	SOFR 6 tháng + 0,7%	2039	82.346.173.288	80.004.651.375
				<hr/>	
				128.105.253.158	140.363.731.245
				<hr/>	

(\*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(\*\*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”), trị giá 3.276.194 USD tại ngày 30 tháng 6 năm 2024. (1/1/2024: 3.357.096 USD), có hạn mức là 3.642.948 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 14).

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	33.160.226.495	25.216.788.379
Trích lập trong kỳ	10.754.092.145	14.768.829.116
Tặng khác	1.380.000	12.220.000
Sử dụng trong kỳ	(3.593.745.200)	(6.837.611.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	40.321.953.440	33.160.226.495

**Công ty Cổ phần Dệt May Huệ**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 – đã điều chỉnh lại</b>	152.247.010.000	102.478.956.722	160.704.857.589	415.430.824.311
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	53.478.568.193	53.478.568.193
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(14.768.829.116)	(14.768.829.116)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 27)	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	48.715.580.000	-	(48.715.580.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 26)	-	-	(60.902.267.200)	(60.902.267.200)
Biến động khác	-	-	3.463.200	3.463.200
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 – đã điều chỉnh lại</b>	200.962.590.000	107.478.956.722	84.800.212.666	393.241.759.388
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	200.962.590.000	107.478.956.722	66.531.962.021	374.973.508.743
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	51.993.280.039	51.993.280.039
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	(10.754.092.145)	(10.754.092.145)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 27)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 26)	-	-	(20.096.259.000)	(20.096.259.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	200.962.590.000	127.478.956.722	67.674.890.915	396.116.437.637



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Công ty) và Thông báo số 125/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Công ty. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

	<b>1/1/2023</b> <b>(theo báo cáo trước đây)</b> <b>VND</b>	<b>(điều chỉnh của</b> <b>Kiểm toán Nhà nước)</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	153.186.318.981	7.518.538.608	160.704.857.589
	<b>30/6/2023</b> <b>(theo báo cáo trước đây)</b> <b>VND</b>	<b>(điều chỉnh của</b> <b>Kiểm toán Nhà nước)</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2023</b> <b>(đã điều chỉnh lại)</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	77.281.674.058	7.518.538.608	84.800.212.666

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	4.871.558	48.715.580.000
Số dư cuối kỳ	20.096.259	200.962.590.000	20.096.259	200.962.590.000

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	12.230.122	60,86
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	1.710.635	8,51
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	6.155.502	30,63
	20.096.259	100,00	20.096.259	100,00
			Số vốn góp VND	Số vốn góp VND
			200.962.590.000	122.301.220.000
			20.096.259	17.106.350.000
			200.962.590.000	61.555.020.000
			200.962.590.000	200.962.590.000

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Cổ tức**

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 606/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền là 20.096 triệu VND (tương đương với tỷ lệ chia 10%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024. Khoản tạm ứng cổ tức này đã được thanh toán vào ngày 25 tháng 7 năm 2024. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 109.618 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, trong đó 48.716 triệu VND bằng cổ phiếu và 60.902 triệu VND bằng tiền, tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023.

**27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 20 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển 20.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 5.000 triệu VND). Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.447.325	36.549.306.559	833.819	20.099.845.064
EUR	10	262.037	15	403.463
		<u>36.549.568.596</u>		<u>20.100.248.527</u>

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	30/6/2024	1/1/2024
	Sản phẩm	Sản phẩm
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	3.854	4.032
	<u>3.854</u>	<u>4.032</u>



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	367.358.232.022	312.827.317.600
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.973.919.900	69.586.310.000
	<hr/>	<hr/>
	369.332.151.922	382.413.627.600
	<hr/>	<hr/>

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán thành phẩm	923.985.591.901	910.775.319.896
Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	16.789.308.002	12.105.216.879
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	32.715.999	26.301.744
	<hr/>	<hr/>
	940.807.615.902	922.906.838.519
	<hr/>	<hr/>

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm	812.408.631.569	810.139.673.633
Hàng hoá và phế liệu đã bán	15.688.516.156	11.070.569.914
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.579.154.279)	(24.427.537.336)
	<hr/>	<hr/>
	824.517.993.446	796.782.706.211
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.840.305.523	4.265.281.869
Cổ tức	1.935.360.000	2.942.163.433
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.775.924.609	11.009.163.195
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	773.232.018	-
	<hr/>	<hr/>
	26.324.822.150	18.216.608.497
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.693.811.706	11.023.305.559
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.630.323.689	4.656.356.587
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.894.634.287
	<hr/>	<hr/>
	17.324.135.395	17.574.296.433
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Phí giám sát đơn hàng	8.009.240.204	8.934.877.943
Phí xử lý hàng ở cảng	810.367.293	363.100.073
Chi phí vận chuyển	15.856.607.961	14.414.160.737
Chi phí hoa hồng môi giới	4.177.595.688	4.028.697.883
Chi phí khấu hao	60.658.822	79.043.208
Chi phí bán hàng khác	1.379.795.592	1.283.450.726
	<hr/>	<hr/>
	30.294.265.560	29.103.330.570
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.471.337.790	15.625.922.438
Chi phí khấu hao	1.507.313.968	1.315.226.798
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	553.796.991	343.471.455
Thuế, phí và lệ phí	3.260.834.678	3.419.243.518
Chi phí điện, nước	1.883.231.555	1.867.246.070
Chi phí ăn ca	823.165.996	754.695.783
Chi phí thuê đất	806.362.524	232.201.113
Chi phí bảo hiểm	8.280.000	301.340.000
Công cụ, dụng cụ	1.510.924.470	1.950.120.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.923.932.949	6.387.295.537
	<b>30.749.180.921</b>	<b>32.196.762.937</b>

**35. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	410.218.182	-
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	1.233.235.714	1.193.613.755
Xóa sổ các khoản phải trả	-	1.587.470.886
Các khoản khác	1.145.907.702	971.482.761
	<b>2.789.361.598</b>	<b>3.752.567.402</b>

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	484.865.185.032	378.013.294.941
Chi phí nhân công	248.870.208.513	249.170.026.814
Chi phí khấu hao	32.414.014.847	31.815.796.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.962.284.123	70.724.439.672
Chi phí khác	23.081.453.180	22.129.493.849



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	11.903.875.620	9.912.538.997
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	110.963.303
	<hr/>	<hr/>
	11.903.875.620	10.023.502.300
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	959.572.536	3.133.772.768
	<hr/>	<hr/>
	12.863.448.156	13.157.275.068

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.856.728.195	66.635.843.261
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.971.345.639	13.327.168.652
Chi phí không được khấu trừ thuế	279.174.517	307.575.800
Thu nhập không bị tính thuế	(387.072.000)	(588.432.687)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	110.963.303
	<hr/>	<hr/>
	12.863.448.156	13.157.275.068

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo dự kiến, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	51.993.280.039	53.478.568.193
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	(5.000.000.000)	(5.377.046.073)
	<hr/>	
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	46.993.280.039	48.101.522.120
	<hr/>	

**(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	20.096.259	15.224.701
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2023	-	4.871.558
	<hr/>	
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	20.096.259	20.096.259
	<hr/>	

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	46.993.280.039	48.101.522.120
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	20.096.259	20.096.259
	<hr/>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.338	2.394
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Mua dịch vụ	95.000.000	306.021.591
Lãi vay ADB	2.926.240.201	2.646.791.108
Lãi vay dự án Quảng Bình	2.646.791.108	2.607.362.192
Thanh toán gốc vay dự án Quảng Bình	11.600.000.000	11.600.000.000
Thanh toán gốc vay ADB	1.098.555.777	933.524.705
Trả cổ tức bằng tiền	36.690.366.000	37.060.976.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	29.648.780.000
Tạm ứng cổ tức	12.230.122.000	-
<b>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex</b>		
Bán hàng hóa	200.657.222	125.836.460
Mua dịch vụ	59.774.057	37.760.552
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	32.279.981	19.737.359
Mua dịch vụ	24.252.269	42.007.929
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Mua cổ phiếu	-	4.033.660.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Mua hàng hóa	-	2.490.736.364
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Mua hàng hóa	-	8.633.000
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	145.732.263	444.930.576
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.719.680	18.160.092
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa	-	59.094.040
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	152.156.785	32.664.317
Mua hàng hóa và dịch vụ	58.531.709	13.218.000
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế</b>		
Bán hàng hóa	-	4.029.279.200
Mua dịch vụ	765.971.660	516.923.732



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú</b>		
Bán hàng hóa	3.396.497.666	6.756.153.522
<b>Trung tâm Y tế Dệt May</b>		
Mua dịch vụ	2.425.000	2.415.000
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>		
<b>Thù lao, lương và thưởng</b>		
Ông Nguyễn Đức Trị – Chủ tịch	233.333.334	270.833.334
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	42.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	42.000.000	36.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên	42.000.000	23.333.333
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	46.666.666	23.333.333
Ông Nguyễn Bá Quang – Thành viên	-	281.388.889
Ông Hồ Ngọc Lan – Thành viên	-	20.000.000
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
<b>Lương và thưởng</b>		
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc	492.600.000	487.500.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	346.536.910	342.023.100
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	310.438.448	323.442.500
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Phó Tổng giám đốc	320.408.396	294.062.300
Bà Nguyễn Hồng Liên – Phó Tổng giám đốc	306.712.332	313.188.900
Ông Đào Văn Tư – Giám đốc điều hành	262.712.541	242.496.800
Bà Trần Thị Thuần – Giám đốc điều hành	262.712.541	242.496.800
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	287.959.865	279.468.154
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<b>Thù lao, lương và thưởng</b>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	105.115.643	99.205.800
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	21.000.000	23.000.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	176.019.846	216.564.100
<b>Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt</b>		
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	972.610.000
Trả cổ tức bằng tiền	435.026.000	1.215.812.000



**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**40. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Thân Thị Kim Phụng  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Khánh Chi  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phong  
Tổng Giám đốc

Số: 827/CBTT-DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dệt May Huế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2024 như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Mã chứng khoán: HDM
- Địa chỉ: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0234.3.864.337 Fax:
- Email: contact@huegatex.com.vn Website: huegatex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên soát xét năm 2024:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên năm 2024 được soát xét):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2024 được soát xét):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/8/2024 tại đường dẫn: <https://huegatex.com.vn/vi/co-dong>.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Văn thư.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên;

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Phong**

